

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **67/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Danh Đẹp**

2. Ông **Trần Minh Nhựt**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** – Kiểm Sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2022/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 07 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hà T**, sinh năm 2004

Địa chỉ: ấp HT, xã MT, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tùng L**, sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp HT, xã MT, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Anh L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2022, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hà T trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Hà T và anh Nguyễn Tùng L cưới nhau từ năm 2021, có tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Qua thời gian chung sống anh chị có một người con chung là cháu

Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/11/2021; về tài sản chung: không có tạo lập được tài sản chung, về nợ chung: vợ chồng anh chị không có nợ ai.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do anh L thường xuyên ăn nhậu về kiếm chuyện đánh chửi chị T, anh L không lo làm ăn để lo cho vợ con. Đến ngày 05/7/2022, sau khi đi nhậu về anh L đã hăm dọa giết chị T dẫn đến hai vợ chồng mâu thuẫn cãi nhau chị T có đuổi anh L và anh L ẵm con về nhà mẹ ruột của anh L ở tại ấp HT, xã MT, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và chị T nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng với anh L do đó chị T khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tùng L;
- Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/11/2021, không yêu cầu anh Nguyễn Tùng L cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Chị T cam kết là trong quá trình chung sống thì anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Tùng L trình bày:*

Vào năm 2021, anh Nguyễn Tùng L và chị Nguyễn Thị Hà T, có tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Qua thời gian chung sống anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/11/2021, hiện nay anh L đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T. Về tài sản chung: không có; về nợ chung: không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do anh L và chị T không hòa hợp với nhau bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên đến ngày 05/7/2022, anh L và chị T cãi nhau thì chị T có đuổi anh L nên anh L ẵm con về nhà cha mẹ ruột anh L sống từ đó cho đến nay.

Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Hà T.
- Về con chung: Thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/11/2021 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và anh L không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Anh L cam kết là trong quá trình chung sống thì anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành-tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự

tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hà T. Về hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hà T và anh Nguyễn Tùng L do chị T và anh L không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh Nguyễn Tùng L và chị Nguyễn Thị Hà T thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/11/2021 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con vì chị có điều kiện; do đó đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này. Về tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu xem xét giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hà T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Tùng L, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Đồng thời, bị đơn anh Nguyễn Tùng L có địa chỉ cư trú tại ấp HT, xã MT, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Hà T và anh Nguyễn Tùng L cùng xác định anh chị sống chung với nhau từ năm 2021 nhưng từ đó đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau đó đến ngày 05/7/2022 anh chị phát sinh mâu thuẫn cãi nhau và anh chị ly thân từ đó đến nay. Như vậy, việc chị T và anh L chung sống với nhau trong thời gian khá dài mà không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Bởi theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Từ đó cho thấy mối quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Hà T và anh Nguyễn Tùng L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó Hội đồng xét xử không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hà T và anh Nguyễn Tùng L là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T, anh L đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/11/2021 hiện nay do anh L đang nuôi dưỡng cháu T. Tại phiên tòa hôm nay, anh L và chị T tự nguyện thỏa thuận thống nhất giao cháu T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng con. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh L đều xác định rằng trong quá trình anh chị chung sống thì anh chị không có tài sản chung và cam kết rằng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hà T.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng chị T được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009567 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Anh L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều

14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hà T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hà T và anh Nguyễn Tùng L.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Hà T và anh Nguyễn Tùng L thống nhất giao con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 26/11/2021 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết (miễn xét).

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng chị T được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009567 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong). Anh L không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Mong Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh

